

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-03-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX- ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh **Trần Quý T**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị Hương, anh Trường đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quý T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/11/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình. Mỗi lần vợ chồng bất hòa, anh T lại chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Đến tháng 04/2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng do anh T không có công ăn việc làm, còn công việc của chị thì gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, tháng 5/2016 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh làm ăn, sinh sống. Anh T có lên đón hai mẹ con chị về nhưng chị không đồng ý vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa. Anh T còn chia cắt tình cảm mẹ con giữa chị và con nên đã đưa con về nhà anh T ở và không cho chị thăm gặp cháu. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Thị Kim N, sinh ngày 09/7/2015 hiện nay cháu đang ở với anh T. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay cháu N còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập từ 4 đến 5 triệu 1 tháng, chị có bố mẹ phụ giúp trong việc nuôi con, chị có đủ điều kiện tiếp tục nuôi con. Việc anh T trình bày với Tòa án là “chị nói với anh T chị không đủ điều kiện nuôi con” là không đúng. Anh T hiện không có công ăn việc làm ổn định.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Bản tự khai ngày 01/02/2018 và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quý T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị H đúng như chị Hương trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1,5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H luôn đòi về Bắc Ninh làm ăn. Khi anh lên đón hai mẹ con 5, 6 lần thì chị H lại không về. Anh nhận thấy chị H không làm tròn trách nhiệm của một người vợ, một người mẹ. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí vì xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Anh và chị H có 01 con chung là Trần Thị Kim N, sinh ngày 09/7/2015 hiện nay cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì trước đây chị H có nói với anh là chị H không đủ điều kiện nuôi con nên để anh đưa cháu N về ở với anh ổn định từ tháng 8/2017 đến nay. Hiện nay anh đang làm xây dựng tại địa phương thu nhập khoảng 6 triệu đồng một tháng, anh đủ điều kiện nuôi con. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 01/02/2018 thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đúng như chị H, anh T trình bày. Về quan hệ con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là Trần Thị Kim N, sinh ngày 09/7/2015, đề nghị Tòa án căn cứ vào

quy định của pháp luật để giải quyết. Anh T hiện lao động tự do, có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con.

*/ Tại Đơn xin xác nhận đề ngày 02/01/2018 của chị Nguyễn Thị H có xác nhận của Trưởng thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh thể hiện chị H có đủ điều kiện nuôi con.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Quý T. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; anh Trần Quý T có nơi cư trú ở Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, nhất là bất đồng về nơi sống và làm việc, vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế từ cuối năm 2016 đến nay. Khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn với chị H. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T được ly hôn.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T có 01 con chung là Trần Thị Kim N, sinh ngày 09/7/2015. Hiện nay cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc tỉ mỉ từ người mẹ, chị H có đủ điều kiện để nuôi con nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T có 01 con chung là Trần Thị Kim N, sinh ngày 09/7/2015. Ly hôn, giao con Trần Thị Kim N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Quý T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 002834 ngày 12/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quý T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/3/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương